

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 52/2021/HS-PT

Ngày 08 - 02 - 2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Thông Kbuôr

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nhung và bà Lưu Thị Thu Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Quỳnh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 378/2020/TLHS-PT ngày 14/12/2020, đối với bị cáo Bùi Đức T về tội “Đánh bạc”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 347/2020/HS-ST ngày 05/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo: **Bùi Đức T**; sinh năm 1991, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Phường TH, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 11/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; tiền án: không; tiền sự: Không; con ông Bùi Văn C, sinh năm 1957 và bà Bùi Thị D, sinh năm 1960; bị cáo có vợ Trần Thị Kim N, sinh năm 1990, và 01 con sinh năm 2015. Hiện cùng trú tại: Phường TH, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nhân thân: Ngày 03/5/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng treo về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại Điều 104 Bộ luật hình sự. Ngày 03/11/2014, chấp hành xong thời gian thử thách. Bị cáo đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/7/2020 đến ngày 23/7/2020 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra trong vụ án còn có 07 bị cáo khác và 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

**** Người kháng cáo:*** Bị cáo Bùi Đức T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 14/7/2020, tại xưởng sản xuất kính thuộc công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Xây dựng TD, địa chỉ tại: Phường TN, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Nguyễn Văn H, Vũ Quang H1, Nguyễn Văn C1, Lâm Ngọc Trung D1, Trần Văn L, Lê Công H, Lưu Công K, Bùi Đức T cùng rủ nhau đánh bạc, dưới hình thức xóc Bầu Cua trên điện thoại di động, được thua bằng tiền thì mọi người đồng ý.

Lúc này, H mượn điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1606, màu vàng, dung lượng 16Gb của ông Đoàn Duy N1, H tải chương trình phần mềm game Bầu Cua, đặt trên nền gạch tại phòng để xe và thỏa thuận với mọi người: ván thấp nhất đặt là 10.000 đồng, ván cao nhất đặt 500.000 đồng. Hình thức chơi xóc Bầu Cua như sau: Trên màn hình điện thoại hiển thị 06 ô với các hình Bầu, Cua, Tôm, Cá, Gà, Nai.

Nguyễn Văn H bấm nút để xóc cái, người chơi chia làm nhiều lượt, không giới hạn người chơi. Khi H xóc xong, kết quả được giữ kín thì H1, C1, D1, L, H2, K, T tham gia đặt cược vào một hoặc nhiều ô hình mà mình muốn và có thể đặt cược vào nhiều ô trong một lượt chơi. Khi đặt cược xong, H bấm nút điện thoại kiểm tra kết quả thắng, thua. Nếu trong màn hình điện thoại có ba hột xúc xuất hiện hình mà H1, C1, D1, L, H2, K, T đặt cược tiền thì người chơi sẽ thắng được số tiền tương ứng với số hình đó xuất hiện, nhân với số tiền đặt cược.

Trước khi tham gia đánh bạc, H mang theo số tiền 6.000.000 đồng; H1 mang theo số tiền 50.000 đồng; C1 mang theo số tiền 400.000 đồng; D1 mang theo số tiền 300.000 đồng; L mang theo số tiền 80.000 đồng; H2 mang theo số tiền 3.000.000 đồng; K mang theo số tiền 1.800.000 đồng; T đem theo số tiền 10.600.000 đồng nhưng lấy 1.500.000 đồng dùng để đánh bạc. H sử dụng chiếc điện thoại cầm cái cho H1, C1, D1, L, H2, K, T đặt cược liên tục nhiều ván, có ván thắng, ván thua. Do sợ chủ xưởng phát hiện nên khoảng 12 giờ cùng ngày, mọi người di chuyển đến phòng sơn của xưởng, tại đây C1 lấy 01 tấm gỗ màu nâu, mặt phẳng, kích thước (60x52x2) cm làm chiếu bạc để H đặt chiếc điện thoại lên cầm cái cho mọi người chơi. Quá trình đánh bạc, K cho L mượn số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc rồi được H trả số tiền 2.000.000 đồng mà H nợ K trước đó và sử dụng hết để đánh bạc; H cho H2 mượn số tiền 2.000.000 đồng để đánh bạc.

Cả nhóm chơi đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, khi H đang cầm cái cho H1 đang đặt 100.000 đồng ở con Gà tả sang con Nai, D1 đặt 50.000 đồng chưa xác

định cược con gì, L đặt cược 50.000 đồng vào con Tôm, H2 đặt cược 100.000 vào con Gà, K đặt cược 100.000 đồng vào con Gà, T đặt cược 100.000 đồng vào con Gà chưa phân định thắng thua thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk kiểm tra, phát hiện bắt quả tang, cùng tang vật, tạm giữ tại sòng bạc gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1606, màu vàng, dung lượng 16Gb; 01 tấm gỗ màu nâu, mặt phẳng, kích thước (60x52x2) cm và số tiền 500.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định được:

Nguyễn Văn H có 6.000.000 đồng, quá trình đánh bạc thắng nên trả cho K 2.000.000 đồng (H nợ K từ trước) và cho H2 mượn 2.000.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang tạm giữ trên người H số tiền 2.700.000 đồng dùng để đánh bạc;

Lê Công H sử dụng 3.000.000 đồng để đánh bạc bị thua nên mượn thêm H 2.000.000 đồng, khi bị bắt quả tang, tạm giữ trên người H2 số tiền 2.400.000 đồng dùng để đánh bạc;

Bùi Đức T mang theo 10.600.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 1.500.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang tạm giữ trên người T số tiền 11.440.000 đồng, trong đó có 2.340.000 đồng dùng để đánh bạc, còn 9.100.000 đồng không dùng đánh bạc;

Lâm Ngọc Trung D1 mang theo 300.000 đồng để đánh bạc khi bị bắt quả tang tạm giữ trên người D1 250.000 đồng dùng để đánh bạc;

Vũ Quang H1 sử dụng 50.000 đồng để đánh bạc và bị thua hết số tiền này.

Nguyễn Văn C1 có 400.000 đồng sử dụng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang bị thua thu giữ trên người C1 số tiền 340.000 đồng.

Trần Văn L có 80.000 đồng sử dụng để đánh bạc và thua hết số tiền này, sau đó mượn K số tiền 1.000.000 đồng dùng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang tạm giữ trên người L số tiền 900.000 đồng.

Bị cáo Lưu Công K mang theo 1.800.000 đồng để đánh bạc và có cho L mượn số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc; K được H trả số tiền 2.000.000 đồng mà H nợ K trước đó và sử dụng hết để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang tạm giữ trên người K số tiền 3.700.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 347/2020/HS-ST ngày 05/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Đức T phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Đức T **09 (chín) tháng tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/7/2020 đến ngày 23/7/2020 (09 ngày).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với 07 bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/11/2020, bị cáo Bùi Đức T kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Bùi Đức T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Đánh bạc” khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS, có nơi cư trú ổn định rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà để bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo. Vì vậy, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng xin hưởng án treo của bị cáo để sửa Bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai nhận tội của bị cáo Bùi Đức T tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 14/7/2020, tại xưởng sản xuất kính thuộc công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Xây dựng TD, địa chỉ tại: phường TN, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Bùi Đức T đã cùng với Nguyễn Văn H, Vũ Quang H1, Nguyễn Văn C1, Lâm Ngọc Trung D1, Trần Văn L, Lê Công H, Lưu Công K tham gia đánh bạc, dưới hình thức xóc Bầu Cua trên điện thoại di động, được thua bằng tiền. Trong lúc các con bạc đang sát phạt nhau thì bị cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố B phát hiện bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc số tiền 500.000 đồng **13.130.000** đồng trên người các bị cáo sử dụng để đánh bạc. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Bùi Đức T về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là bảo đảm đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Bùi Đức T, thì thấy:

Mức hình phạt 09 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là thỏa đáng tương xứng với mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên, xét thấy mặc dù trước đó bị cáo đã bị kết án về tội “Cố ý gây thương tích” nhưng đã chấp hành án xong và được xóa án tích nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo là người có nhân thân tốt, hành vi của bị cáo là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo để sửa Bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Đức T – Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 347/2020/HSST ngày 05/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về biện pháp chấp hành hình phạt.

[1] Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Đức T **09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo** về tội “Đánh bạc” thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Bùi Đức T cho UBND phường TH, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là nơi bị cáo thường trú giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự.

[2] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Bùi Đức T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. B;
- Chi cục THADS Tp. B;
- UBND phường TH, Tp. B;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Y Thông Kbuôr